TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/DS-ST
Ngày 15 – 9 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

2. Ông Bùi Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm – Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị H; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Bà Phạm Thị Gái E, sinh năm 1983; địa chỉ: Số E ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Dương Văn Đ (Đ1), sinh năm 1986; địa chỉ: Số E ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Phạm Thị Gái E và ông Dương Văn Đ tham gia các dây hụi do bà Dương Thị H làm chủ hụi, cụ thể gồm:

- Dây thứ nhất: Hụi tháng 2 triệu đồng, có 20 chân, mở ngày 10-10-2019 âm

lịch, bà E tham gia 04 chân (trong đó bà E tham gia ngay từ đầu là 02 chân, mượn hụi của bà T là em chồng của bà E 02 chân). Đối với 02 chân hụi của bà T thì bà E hốt 01 chân ở kỳ khui hụi thứ nhất (10-10-2019 âm lịch) và hốt 01 chân ở kỳ khui hụi thứ sáu (10-3-2020 âm lịch). Đối với 02 chân hụi của bà E thì bà E hốt 01 chân ở kỳ thứ 2 và 01 chân ở kỳ thứ 5. Bà E đóng hụi chết đầy đủ đến hết tháng 7-2020 thì ngưng.

- Dây thứ hai: Hụi tháng 2 triệu đồng, có 20 chân, mở ngày 26-01-2020 âm lịch, bà E tham gia 03 chân nhưng đã chuyển cho bà T (là em chồng) 01 chân nên còn lại 02 chân. Bà E hốt 01 chân ở kỳ khui hụi thứ 4 (26-4-2020 âm lịch) và hốt 01 chân ở kỳ khui hụi thứ 7 (26-7-2020 âm lịch). Bà E đóng hụi chết đầy đủ đến hết tháng 7-2020 thì ngưng.

- Dây thứ ba: Hụi tháng 2 triệu đồng, có 24 chân, mở ngày 16-4-2020 âm lịch, bà E tham gia 02 chân. Bà E đã hốt 01 chân ở kỳ khui hụi thứ 2 (16-5-2020 âm lịch) và hốt 01 chân ở kỳ khui hụi thứ 6 (16-9-2020 âm lịch). Bà E đóng hụi chết đầy đủ đến hết tháng 7-2020 thì ngưng.

Tổng số tiền hụi chết mà bà Phạm Thị Gái E còn nợ ở 03 dây hụi nêu trên là 216.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 01-7-2020 âm lịch, bà Phạm Thị Gái E và ông Dương Văn Đ có vay của bà Dương Thị H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. Đến ngày 04-7-2020 âm lịch, thì bà E và ông Đ tiếp tục vay của bà Dương Thị H số tiền 9.000.000 đồng,

Theo đơn khởi kiện, bà Dương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Gái E, ông Dương Văn Đ trả cho bà Dương Thị H số tiền vốn vay 29.000.000 đồng (hai mươi chính triệu đồng) và tiền lãi 5%/tháng, tính từ ngày 01-7-2020 âm lịch đến ngày 01-5-2021 âm lịch là 10 tháng, với số tiền là 14.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Buộc vợ chồng bà Phạm Thị Gái E, ông Dương Văn Đ trả cho bà Dương Thị H số tiền hụi chết chưa đóng là 216.000.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Phạm Thị Gái E có ý kiến như sau:

Bà Phạm Thị Gái E và ông Dương Văn Đ có tham gia hụi và vay tiền của bà Dương Thị H, nhưng số tiền nợ hụi và nợ vay không đúng như bà Dương Thị H trình bày, cụ thể như sau:

- Đối với dây hụi ngày 10-10-2019 âm lịch, bà Phạm Thị Gái E cho rằng bà và ông Đ không có tham gia dây hụi này.

- Đối với dây hụi ngày 26-01-2020 âm lịch, bà Phạm Thị Gái E tham gia 03 chân, đã hốt hụi 02 lần ở kỳ khui thứ 4 (ngày 26-4-2020) và kỳ khui thứ 7 (26-7-2020), còn 01 chân hụi chưa hốt. Bà E đóng hụi đến hết kỳ thứ 8, kể từ kỳ thứ 9 trở đi thì bà E ngưng không đóng tiền hụi cho bà H nữa. Do đó, ở dây hụi này bà E còn nợ tiền hụi chết là 48.000.000 đồng, bà Dương Thị H còn nợ tiền hụi sống

của bà E là 16.000.000 đồng, cấn trừ qua lại thì bà E thừa nhận ở dây hụi này bà còn nợ bà H số tiền là 32.000.000 đồng. Việc bà H cho rằng ở dây hụi này bà chuyển cho bà T 01 chân hụi là không có, bà hoàn toàn không hay biết việc này.

- Đối với dây hụi ngày 16-4-2020 âm lịch, có 24 người tham gia, bà Phạm Thị Gái E tham gia 02 chân, đã hốt hụi 02 lần ở kỳ khui thứ 2 (ngày 16-5-2020) và kỳ khui thứ 5 (ngày 16-8-2020). Bà E đóng hụi chết đến hết kỳ thứ 8, kể từ kỳ thứ 9 trở đi thì bà E ngưng không đóng tiền hụi cho bà H nữa. Do đó, ở dây hụi này bà E còn nợ tiền hụi chết 19 lần là 76.000.000 đồng.

- Đối với khoản nợ vay 20.000.000 đồng ngày 01-7-2020 âm lịch: Bà Phạm Thị Gái E thừa nhận có vay của bà Dương Thị H số tiền 20.000.000 đồng ngày 01-7-2020 âm lịch. Tuy nhiên, bà E đã đóng lãi được 3 lần, số tiền lãi đã đóng 3.000.000 đồng. Ngày 29-02-2020, bà E tham gia 01 dây hụi mùa của bà Dương Thị H, dây hụi 10 người tham gia nhưng bà E không biết 09 người còn lại là ai. Sau khi đóng được 02 lần hụi sống thì bà H và bà E thỏa thuận ngưng hụi. Bà E đề nghị bà H cấn trừ số tiền hụi sống bà đã đóng 02 lần bằng 20.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc vay ngày 01-7-2020 nêu trên. Việc thỏa thuận ngưng hụi và cấn trừ nợ chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có thỏa thuận nào khác.

- Đối với khoản nợ vay 9.000.000 đồng ngày 04-7-2020 âm lịch bà H nêu ra là không có, bà E không thừa nhận có vay số tiền này.

Ý kiến của bị đơn ông Dương Văn Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, ông Dương Văn Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Dương Thị H và bị đơn bà Phạm Thị Gái E thống nhất với nhau được các vấn đề sau đây:

+ Đối với tất cả các dây hụi bà E tham gia do bà H làm chủ hụi thì bà E góp tiền hụi cho bà H đến hết tháng 8-2020 âm lịch và ngưng đóng tiền hụi từ tháng 9-2020 âm lịch.

+ Đối với dây hụi ngày 16-4-2020 âm lịch, bà E đã hốt hụi 02 lần ở kỳ khui thứ 2 (ngày 16-5-2020) và kỳ khui thứ 5 (ngày 16-8-2020). Bà E đóng hụi chết đến hết kỳ thứ 8, kể từ kỳ thứ 9 trở đi thì bà E ngưng không đóng tiền hụi cho bà H nữa. Do đó, ở dây hụi này bà E còn nợ tiền hụi chết 19 lần là 76.000.000 đồng.

+ Đối với dây hụi ngày 26-01-2020 âm lịch, bà E tham gia 03 chân, đã hốt hụi 02 lần ở kỳ khui thứ 4 (ngày 26-4-2020) và kỳ khui thứ 7 (26-7-2020).

- Nguyên đơn bà Dương Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu tính lãi đối với nợ vay. Nay nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất theo quy định là 20%/năm (tương ứng 1,66%/tháng), thời gian tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn liên đới thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 148.000.000 đồng và tiền vay gốc và lãi 32.250.800 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn liên đới trả số tiền nợ hụi 68.000.000 đồng và số tiền vay 9.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tiền nợ hụi và nợ vay đối với các bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Dương Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền nợ hụi:

[4] Đối với dây hụi ngày 16-4-2020 âm lịch, các đương sự thống nhất được ở dây hụi này bà E còn nợ bà H số tiền hụi chết của 19 lần là 76.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với dây hụi ngày 26-01-2020 âm lịch, các đương sự cũng thống nhất được việc bà E có tham gia 03 chân, đã hốt hụi 02 lần ở kỳ khui thứ 4 (ngày 26-4-2020) và kỳ khui thứ 7 (26-7-2020). Bà E ngưng đóng hụi chết cho bà H từ tháng 9-2020 nên số tiền hụi chết bà E còn nợ ở dây hụi này là 12 lần x 2 chân x 2.000.000 đồng = 48.000.000 đồng. Riêng 01 chân hụi còn lại bà H cho rằng đã giao cho em chồng của bà E tên T hốt thay, còn bà E cho rằng chân hụi này chưa hốt, đã đóng hụi sống 16.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, bà Dương Thị H là chủ hụi của dây hụi này nhưng không cung cấp được họ, tên đầy đủ và địa chỉ hiện tại của hụi viên tên T. Tại phiên tòa, bà H cũng thừa nhận việc bà cho bà T hốt chân hụi của bà E thì không thông tin cho bà E biết, cũng không nhớ bà T đã hốt hụi vào ngày nào, lãnh được bao nhiêu tiền hụi. Do đó, bà E không có nghĩa vụ khi bà H tự ý cho bà T hốt hụi. Nếu có căn cứ, bà H có quyền khởi kiện bà T đòi lại số tiền hụi đã giao. HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, xác định ở dây hụi ngày 26-01-2020, bà E đã hốt 02 chân hụi, nợ tiền hụi chết 48.000.000 đồng, còn 01 chân hụi sống 16.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ, bà E còn phải trả cho bà H 32.000.000 đồng hụi chết.

[6] Đối với dây hụi mở ngày 10-10-2019 âm lịch, nguyên đơn cho rằng dây hụi gồm 20 người, vợ chồng bà E tham gia 04 chân (trong đó bà E trực tiếp 02 chân và mượn hụi của bà T 02 chân). HĐXX xét thấy trong danh sách hụi viên

ngày 10-10-2019 âm lịch, bà E tham gia 02 chân tên trong danh hụi là "Vợ Đ". Ngoài ra, 02 biên nhận viết tay ghi "hụi 10 vợ Đuốc hốt", trong đó 01 biên nhận hốt 27.360.000 đồng và 01 biên nhận hốt 26.750.000 đồng đều có chữ ký, chữa viết của bà Phạm Thị Gái E. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 08-3-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, bà E khai: "*Tôi tham gia chơi hụi do bà Dương Thị H làm đầu thảo với tổng cộng 04 dây hụi 07 chưng trong đó vào ngày 10 âl tôi tham gia 02 chưng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng*". Như vậy, từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định bà E tham gia dây hụi ngày 10-10-2019 al do bà H làm chủ và đã hốt hụi 02 lần. Tại phiên tòa, bà E cho rằng bà không có tham gia dây hụi này nhưng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[7] Bà H cho rằng ở dây hụi này bà E còn mượn của bà T 02 chân hụi nên tổng cộng là 04 chân. Tuy nhiên, danh sách hụi viên và sổ theo dõi ngày hụi viên hốt hụi do bà H tự lập đều thể hiện hụi viên tên "Cháu T" và hụi viên tên "vợ Đ" không có thông tin nào về việc mượn hụi, còn theo biên nhận tiền hụi thì đối với dây hụi ngày 10, bà E chỉ nhận tiền 02 lần. Đồng thời, bà H và bà E cũng không xác định được họ tên cụ thể, địa chỉ cư trú của bà T ở đâu. Do đó, HĐXX không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà H đối với việc buộc bà E trả tiền hụi chết cho hai chân hụi bà T tham gia trong vụ án này. Trường hợp bà H có chứng cứ chứng minh bà E hoặc bà T đã hốt ở 02 chân hụi do bà T đứng tên thì có thể khởi kiện yêu cầu bằng vụ án khác. Do dây hụi này mãn vào 10-6-2021 âm lịch, bà E ngưng đóng hụi chết tháng 9-2020 nên ở dây hụi này bà E còn nợ bà H 10 lần hụi chết x 2 chân x 2.000.000 đồng = 40.000.000 đồng.

[8] Như vậy, từ những phân tích tại đoạn [5] đến đoạn [7] nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với phần nợ hụi của bà Phạm Thị Gái E là có cơ sở để chấp nhận một phần. Cụ thể, đối với dây hụi ngày 16-4-2020 âm lịch, nợ hụi 76.000.000 đồng, dây hụi ngày 20-01-2020 âm lịch, nợ hụi 32.000.000 đồng và dây hụi ngày 10-10-2019 âm lịch, nợ hụi 40.000.000 đồng. Tổng cộng 148.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ hụi theo yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H 68.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc bà Phạm Thị Gái E có vay của bà Dương Thị H số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 01-7-2020 âm lịch. Tuy nhiên, bà E cho rằng vào ngày 29-02-2020, bà có tham gia 01 chân trong dây hụi mùa 10 triệu đồng do bà H làm chủ hụi. Hụi khui được 02 lần thì ngưng, bà E đóng được 20.000.000 đồng, bằng với số nợ vay nên bà E nói với bà H cho cấn trừ nhưng lúc đó bà H không đồng ý. Bà Dương Thị H thừa nhận có mở dây hụi mùa nêu trên và khui được 02 lần thì ngưng nhưng không có việc cấn trừ nợ bởi vì ở dây hụi này bà E chưa đóng lần nào, cả 02 lần khui đều nhờ bà H góp dùm rồi hứa trả tiền lại sau. Hai bên không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình đối với dây hụi mùa mở ngày 29-02-2020 âm lịch.

[10] HĐXX xét thấy, việc vay tiền đã được hai bên thừa nhận là sự thật không phải chứng minh, còn việc trả tiền vay bằng cấn trừ tiền hụi theo lời bà E trình bày thì bà không có chứng cứ nào để chứng minh. Ngoài ra, bà E cũng xác định là khi hụi khui được 02 lần, bà E đề nghị cấn trừ thì bà H chưa đồng ý. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 08-3-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, bà E khai: "*Số tiền vay 20.000.000 đồng tôi cũng chưa đóng lãi và chưa trả tiền gốc*". Do đó, HĐXX có cơ sở xác định số nợ 20.000.000 đồng bà E vay của bà H là nợ chưa trả. Việc bà E cho rằng đã đóng hụi mùa cho bà H 02 lần bằng số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà E không có yêu cầu phản tố nên HĐXX không có cơ sở xem xét cấn trừ trong vụ án này, nếu có căn cứ thì bà E có thể khởi kiện yêu cầu bà H trả lại bằng vụ án khác.

[11] Về yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay: Xét thấy, mặc dù biên nhận vay tiền ngày 01-7-2020 âm lịch (19-8-2020 dương lịch) không có nội dung về lãi và lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 08-3-2021 và tại phiên tòa, bà H và bà E đều trình bày việc vay tiền 20.000.000 đồng có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Đây là mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tiền lãi = 20.000.000 đồng x 03 năm 27 ngày x 1,66%/tháng = 12.250.800 đồng.

[12] Như vậy, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa về việc tính lãi đối với nợ vay là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng bà đã trả lãi được 3.000.000 đồng là mâu thuẫn với chính lời trình bày của mình tại biên bản lấy lời khai ngày 08-3-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N: "*Số tiền vay 20.000.000 đồng tôi cũng chưa đóng lãi và chưa trả tiền gốc*". Ngoài ra, bị đơn không cung cấp được giấy tờ, tài liệu nào khác chứng minh đã trả lãi được 3.000.000 đồng nên HĐXX không có cơ sở xem xét khấu trừ tiền lãi đã trả của bị đơn. Như vậy, tổng vốn gốc và lãi của khoản vay ngày 01-7-2020 bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 32.250.800 đồng.

[13] Đối với số tiền vay 9.000.000 đồng ngày 04-7-2020, bị đơn không thừa nhận. Nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị đơn có vay số tiền này. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về số tiền vay 9.000.000 đồng của nguyên đơn.

[14] Đối với việc trả lãi do chậm góp tiền hụi: Theo đơn khởi kiện bà Dương Thị H đã nêu rõ không yêu cầu tiền lãi chậm góp tiền hụi và không có bổ sung gì trong quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[15] Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn Phạm Thị Gái E, Dương Văn Đ cùng có nghĩa vụ trả các khoản nợ hụi và vay. Tại phiên tòa, bà Dương Thị H và bà Phạm Thị Gái E đều trình bày vào thời điểm bà E tham gia các dây hụi và vay tiền của bà H thì giữa ông Đ và bà E là quan hệ vợ chồng, đang trong thời kỳ hôn nhân, ông Đ biết việc bà tham gia chơi hụi và vay tiền của bà

H. Việc tham gia hụi và vay tiền là để sử dụng trong cuộc sống chung của vợ chồng. HĐXX xét thấy, bà Phạm Thị Gái E và ông Dương Văn Đ ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06-4-2021. Hồ sơ vụ án thể hiện (Bút lục 55) khi bà Phạm Thị Gái E tham gia hụi và vay tiền của bà Dương Thị H thì ông Dương Văn Đ cũng biết và đã viết cam kết trả nợ cho bà Dương Thị H. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Dương Văn Đ có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn bà Phạm Thị Gái E trả số tiền nợ hụi 148.000.000 đồng (mỗi người trả 74.000.000 đồng) và nợ vay 32.250.800 đồng (mỗi người 16.125.400 đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[16] Từ những phân tích nêu trên, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm về việc đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Gái E và ông Dương Văn Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi 148.000.000 đồng và tiền vay tổng cộng vốn gốc và lãi 32.250.800 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu trả số tiền nợ hụi 68.000.000 đồng và số tiền vay 9.000.000 đồng là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[17] Án phí sơ thẩm, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên HĐXX chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị H.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Gái E và ông Dương Văn Đ (Đuốc) có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Dương Thị H số tiền nợ hụi 148.000.000 đồng (bà

Phạm Thị Gái E trả 74.000.000 đồng, ông Dương Văn Đ trả 74.000.000 đồng) và số tiền nợ vay 32.250.800 đồng, trong đó có 20.000.000 đồng gốc và tiền lãi 12.250.800 đồng (bà Phạm Thị Gái E trả 16.125.400 đồng, ông Dương Văn Đ trả 16.125.400 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Dương Thị H phải chịu án phí 3.850.000 đồng nhưng được miễn nộp.

- Bà Phạm Thị Gái E và ông Dương Văn Đ liên đới chịu số tiền án phí 9.012.540 đồng (bà Phạm Thị Gái E chịu 4.506.270 đồng, ông Dương Văn Đ chịu 4.506.270 đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm